CIMB BANK

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN THẺ TÍN DỤNG

Chủ Thẻ xác nhận đã đọc kĩ, hiểu rõ và đồng ý với nội dung của các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ("**Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng**") này trước khi được phát hành và sử dụng Thẻ Tín Dụng của CIMB.

Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng được áp dụng đồng thời với các Điều Khoản và Điều Kiện Chung của CIMB áp dụng cho khách hàng cá nhân cũng như với bất kỳ điều khoản và điều kiện sản phẩm, dịch vụ nào khác áp dụng cho các sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho Khách Hàng. Các Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng được đăng tải công khai tại website www.cimbbank.com.vn của CIMB, được niêm yết tại các địa điểm giao dịch của CIMB hoặc có thể được cung cấp theo yêu cầu qua Trung tâm Hỗ trợ Khách Hàng 24/7 của CIMB theo số 1900 969696. Trừ khi được quy định khác đi, nếu có sự khác biệt giữa Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng với các điều khoản và điều kiện khác đang được áp dụng cho Khách Hàng, thì Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này sẽ được ưu tiên áp dụng.

1. ĐỊNH NGHĨA

1.1 **Ngân Hàng** hoặc **CIMB** có nghĩa là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên CIMB Việt Nam, mã số doanh nghiệp 0107574254, trụ sở đặt tại Tầng 2, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, Hà Nội; bao gồm bất kỳ chi nhánh, địa điểm giao dịch và bao gồm cả những bên kế thừa và bên chuyển nhượng của Ngân Hàng.

1.2 **Thẻ Tín Dụng** (gọi tắt là "**Thẻ**") là thẻ tín dụng do CIMB phát hành cho Chủ Thẻ, cho phép Chủ Thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi hạn mức tín dụng đã được cấp theo thỏa thuận với CIMB.

1.3 **Chủ Thẻ** hoặc **Khách Hàng** là cá nhân đăng ký mở Thẻ và được Ngân Hàng phát hành Thẻ để sử dụng.

1.4 **Đơn Đề Nghị** là Đơn đề nghị phát hành Thẻ Tín Dụng theo mẫu của Ngân Hàng tại từng thời điểm mà theo đó Chủ Thẻ đề nghị Ngân Hàng phát hành Thẻ Tín Dụng.

1.5 **Hợp Đồng Thẻ** là hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ Tín Dụng được định nghĩa tại Điều 21.1 dưới đây.

1.6 **Bảng Sao Kê** là sao kê hàng tháng hoặc định kỳ khác của Ngân Hàng được gửi đến Chủ Thẻ để thể hiện thông tin chi tiết của tổng dư nợ trên Thẻ phát sinh từ việc sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ cần phải thanh toán cho Ngân Hàng, bao gồm tất cả các khoản phí, lãi và các khoản chưa thanh toán.

1.7 **Kỳ Sao Kê** là khoảng thời gian lập Bảng Sao Kê và được tính từ ngày sau Ngày Sao Kê của kỳ liền trước đến hết Ngày Sao Kê của kỳ hiện tại.

1.8 **Ngày Sao Kê** là ngày Ngân Hàng lập Bảng Sao Kê theo quy định của Ngân Hàng.

1.9 **Ngày Đến Hạn Thanh Toán** là ngày mà Chủ Thẻ phải thanh toán ít nhất Khoản Thanh Toán Tối Thiểu cho Ngân Hàng.

1.10 **Khoản Thanh Toán Tối Thiểu** là khoản tiền tối thiểu Chủ Thẻ phải thanh toán cho Ngân Hàng trong mỗi Kỳ Sao Kê theo quy định của Ngân Hàng.

1.11 **Dư Nợ** là số tiền mà Chủ Thẻ đang nợ Ngân Hàng tại một thời điểm bất kỳ từ việc sử dụng Thẻ.

1.12 **Dư Nợ Cuối Kỳ** là tổng số tiền của mà Chủ Thẻ đang nợ Ngân Hàng tính đến Ngày Sao Kê.

1.13 **Tài Khoản Thẻ** là một tài khoản được CIMB mở cho Chủ Thẻ nhằm ghi nhận mọi giao dịch phát sinh từ việc sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn mọi giao dịch từ Thẻ, các khoản phí của Thẻ, lãi và các giao dịch khác của Chủ Thẻ phát sinh từ việc sử dụng Thẻ.

1.14 **Hạn Mức Tín Dụng** là số tiền tối đa mà Chủ Thẻ được Ngân Hàng cấp và cho phép sử dụng trong thời gian quy định.

1.15 **Biểu Phí Thẻ** là biểu phí dịch vụ và lãi suất áp dụng đối với Thẻ do CIMB ban hành trong từng thời kỳ và được công bố trên trang điện tử của Ngân Hàng, các địa điểm giao dịch và/hoặc trên Ứng Dụng OCTO by CIMB của Ngân Hàng.

1.16 **Số Dư Có Thẻ** là số tiền còn lại trong Tài Khoản Thẻ tại một thời điểm nhất định sau khi đã thanh toán Dư Nợ (nếu có). Ngân Hàng không trả lãi cho Số Dư Có Thẻ.

1.17 **Ứng Dụng Ngân Hàng Trực Tuyến** hoặc **Ứng Dụng OCTO by CIMB**: là phần mềm ứng dụng ngân hàng điện tử do CIMB sở hữu và phát triển, được cài đặt trên thiết bị điện thoại di động có kết nối internet của Khách Hàng, cho phép Khách Hàng truy cập, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng và các tính năng, tiện ích khác thông qua phương tiện điện tử để thực hiện giao dịch với CIMB trên nền tảng điện tử..

1.18 **Chíp Điện Tử** là loại chíp được gắn trong Thẻ theo tiêu chuẩn của Tổ chức Thẻ quốc tế.

1.19 **CVV2** nghĩa là mã số gồm 3 chữ số được in trên mặt Thẻ nhằm xác thực Chủ Thẻ khi thực hiện các giao dịch thanh toán trực tuyến bằng Thẻ.

1.20 **Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ** nghĩa là nhà cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ chấp nhận thanh toán bằng Thẻ.

1.21 **Số PIN** nghĩa là mã số nhận diện cá nhân, gồm dãy các con số Chủ Thẻ sử dụng cho một số loại hình giao dịch Thẻ, được cung cấp thông qua Ứng Dụng OCTO by CIMB.

1.22 **ATM PLUS** là hệ thống ATM toàn cầu của VISA, qua đó Chủ Thẻ có thể dùng Thẻ và số PIN để thực hiện giao dịch rút tiền mặt.

1.23 **Ngày Làm Việc** có nghĩa là ngày (không phải là thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ tại Việt Nam) mà Ngân Hàng mở cửa giao dịch kinh doanh bình thường tại Việt Nam.

1.24 **Công Ty Thông Tin Tín Dụng** là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam và được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Công Ty Thông Tin Tín Dụng theo Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này là Công ty Cổ phần Thông tin Tín dụng Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102547296, đăng ký lần đầu ngày 27/11/2007.

2. ĐĂNG KÝ, PHÁT HÀNH THẺ

2.1 Chủ Thẻ là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, có khả năng tài chính để trả nợ và đáp ứng các điều kiện theo quy định nội bộ về cấp tín dụng qua Thẻ của Ngân Hàng tùy từng thời điểm.

2.2 Chủ Thẻ đăng ký mở Thẻ Tín Dụng bằng cách nộp Đơn Đề Nghị và các tài liệu, thông tin theo yêu cầu cho Ngân Hàng. Chủ Thẻ có trách nhiệm cung cấp thông tin một cách trung thực, đầy đủ, chính xác và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với thông tin mà mình cung cấp khi đăng ký phát hành và sử dụng Thẻ Tín Dụng trên Ứng Dụng OCTO by CIMB.

2.3 Chủ Thẻ và CIMB tại đây cùng xác nhận và đồng ý rằng Đơn Đề Nghị Kiêm Hợp Đồng Thẻ tồn tại dưới hình thức chứng từ điện tử, được xác lập và giao kết bởi CIMB bằng chữ ký số và bởi Khách Hàng bằng hình thức xác nhận khớp đúng thông tin sinh trắc học thông qua việc đối chiếu, so sánh ảnh chân dung của Khách Hàng được chụp tại thời điểm giao kết Hợp Đồng Thẻ trùng khớp với thông tin sinh trắc học của Khách Hàng đã được thu thập, lưu trữ tại CIMB theo quy định của pháp luật;

2.4 Sau khi nhận Đơn Đề Nghị và đầy đủ tài liệu do Chủ Thẻ cung cấp, Ngân Hàng sẽ thẩm định hồ sơ đăng ký mở Thẻ của Chủ Thẻ và thông báo cho Chủ Thẻ về quyết định cấp Thẻ

cho Chủ Thẻ đáp ứng đủ điều kiện của Ngân Hàng. Thông báo chấp thuận cấp Thẻ Tín Dụng cùng Hạn Mức Tín Dụng của Thẻ được phê duyệt sẽ được Ngân Hàng gửi cho Chủ Thẻ qua tin nhắn đến số điện thoại đã đăng ký của Chủ Thẻ, hoặc bằng thư điện tử, hoặc được hiển thị tại mục thông báo trên Ứng Dụng OCTO by CIMB. hoặc một hình thức thông báo phù hợp khác theo quy định của Ngân Hàng.

2.5 Thẻ Tín Dụng được phát hành theo yêu cầu của Chủ Thẻ dưới hình thức thẻ vật lý. Sau khi được phê duyệt, các tính năng giao dịch trực tuyến của Thẻ sẽ được kích hoạt ngay trong thời gian chờ thẻ vật lý được giao đến Chủ Thẻ, Chủ Thẻ có thể sử dụng Thẻ cho các giao dịch trực tuyến ngay sau khi Thẻ phê duyệt. Thẻ vật lý chỉ sử dụng được khi Khách Hàng thực hiện kích hoạt thẻ vật lý trên Ứng Dụng OCTO by CIMB.

2.6 Thẻ vật lý (bao gồm Thẻ được cấp lần đầu, cấp lại, gia hạn) sẽ được Ngân Hàng (hoặc đơn vị vận chuyển do Ngân hàng chỉ định) giao đến địa chỉ Chủ Thẻ đã đăng ký với Ngân Hàng. Ngân Hàng chỉ giao Thẻ cho chính Chủ Thẻ sau khi đã thực hiện xác minh Chủ Thẻ theo quy định của Ngân Hàng. Ngân Hàng có quyền chủ động hủy Thẻ của Chủ Thẻ nếu Chủ Thẻ không nhận Thẻ hoặc Ngân Hàng (hoặc đơn vị vận chuyển do Ngân hàng chỉ định) không thể liên lạc với Chủ Thẻ để giao Thẻ, Thẻ giao phát không thành công.

2.7 Ngân Hàng có toàn quyền hủy, thu hồi Thẻ và/hoặc ngừng bất kỳ dịch vụ nào được cung cấp tại bất kỳ thời điểm nào và sẽ thông báo cho Chủ Thẻ về quyết định thu hồi đó phù hợp với quy định của pháp luật.

2.8 Vào bất kỳ thời điểm nào, Thẻ luôn là tài sản của Ngân Hàng, sẽ được Ngân Hàng cung cấp theo yêu cầu của Khách Hàng hoặc đại lý ủy quyền hợp lệ của Ngân Hàng. Chủ Thẻ không được chuyển nhượng Thẻ cho người khác và phải bảo quản, cất giữ Thẻ cẩn trọng.

2.9 Ngân Hàng không cung cấp thẻ phụ.

3. HẠN MỨC THẺ

3.1 Hạn Mức Tín Dụng

(i) Ngân Hàng sẽ quyết định Hạn Mức Tín Dụng cấp qua Thẻ Tín Dụng theo chính sách cấp tín dụng của Ngân Hàng.

(ii) Mỗi Thẻ được cấp một Hạn Mức Tín Dụng theo thông báo của Ngân Hàng khi Đơn Đề Nghị đã được phê duyệt. Chủ Thẻ chỉ được phép thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi Hạn Mức Tín Dụng đã được cấp và có trách nhiệm đảm bảo không được sử dụng vượt quá Hạn Mức Tín Dụng vì bất lý do nào.

(iii) Ngân Hàng có thể thay đổi Hạn Mức Tín Dụng tùy từng thời điểm trong phạm vi cho phép của pháp luật hiện hành bằng việc gửi thông báo cho Chủ Thẻ. Căn cứ đánh giá hợp lý các rủi ro tín dụng liên quan đến Chủ Thẻ dựa vào những thông tin mà Chủ Thẻ cung cấp hoặc Ngân Hàng có được, Ngân Hàng có toàn quyền điều chỉnh Hạn Mức Tín Dụng bằng một thông báo trước hợp lý cho Chủ Thẻ. Ngân Hàng sẽ thông báo cho Chủ Thẻ về Hạn Mức Tín Dụng được điều chỉnh và thông báo đó sẽ là một phần không tách rời của Hợp Đồng Thẻ. Chủ Thẻ xác nhận và đồng ý là việc Chủ Thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi Ngân Hàng thông báo sẽ được xem là Chủ Thẻ đã đồng ý với Hạn Mức Tín Dụng mới.

3.2 Hạn Mức Khả Dụng: là số tiền tối đa Chủ Thẻ được phép sử dụng tại một thời điểm bất kỳ. Hạn Mức Khả Dụng bằng Hạn Mức Tín Dụng trừ đi tổng dư nợ các giao dịch phát sinh từ Thẻ nhưng chưa thanh toán tại từng thời điểm.

3.3 Hạn Mức Giao Dịch:

(i) Hạn Mức Giao Dịch là hạn mức được cấp đối với từng giao dịch thanh toán và hạn mức được cấp đối giao dịch rút tiền mặt cụ thể, theo các mức độ rủi ro phân theo đối tượng khách hàng theo quyết định của Ngân Hàng, như được quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân Hàng, tại các địa điểm giao dịch và/hoặc trên Ứng Dụng OCTO by CIMB.

(ii) Chủ Thẻ có thể yêu cầu thay đổi Hạn Mức Giao Dịch Thẻ qua Ứng Dụng OCTO by CIMB trong giới hạn của Hạn Mức Giao Dịch Thẻ theo quy định của Ngân Hàng trong từng thời kỳ. Chủ Thẻ đồng ý rằng Chủ Thẻ hiểu rõ các rủi ro đi kèm theo việc điều chỉnh Hạn Mức Giao Dịch Thẻ nói trên, đồng thời sẽ chịu trách nhiệm về mọi tổn thất và thiệt hại mà Chủ Thẻ có thể phải chịu phát sinh từ hoặc liên quan đến việc điều chỉnh hạn mức nói trên.

3.4 Hạn mức rút tiền mặt

(i) Chủ Thẻ có thể thực hiện giao dịch rút tiền mặt qua Thẻ tại bất kỳ máy ATM PLUS. Ngân Hàng có thể giới hạn khoản tiền mặt hàng ngày được phép rút từ Thẻ. Giao dịch rút tiền mặt được thực hiện ở nước ngoài phải tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

(ii) Hạn mức rút tiền mặt ngoại tệ của một Thẻ tối đa tương đương 30 (ba mươi) triệu đồng Việt Nam trong một ngày.

(iii) Tổng hạn mức rút tiền mặt của mỗi Thẻ Tín Dụng tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng.

4. SỬ DỤNG THẺ

4.1 Điều khoản chung

(i) Chủ Thẻ không được sử dụng Thẻ để thanh toán cho bất kỳ mục đích bất hợp pháp nào, bao gồm việc mua hàng hóa hoặc dịch vụ bị cấm theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng có những biện pháp kiểm soát, ngăn chặn các hình thức sử dụng Thẻ không đúng theo quy định của pháp luật.

(ii) Chủ Thẻ phải đảm bảo rằng Thẻ không được dùng để thanh toán cho bất kỳ giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận, đánh bạc; thanh toán cho các trò chơi điện tử chưa được cấp phép phát hành tại Việt Nam, giao dịch thanh toán khống nhằm mục đích rút tiền mặt tại Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ hoặc các giao dịch nào khác được xem là bất hợp pháp theo bất kỳ luật áp dụng hiện hành nào. Giao dịch thanh toán khống tại Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ là việc sử dụng Thẻ và thông tin Thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ nhưng thực tế không phát sinh việc mua bán, cung ứng hàng hóa, dịch vụ.

(iii) Chủ Thẻ phải hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho Ngân Hàng đối với các giao dịch ghi có nhầm vào Tài Khoản Thẻ của Chủ Thẻ hoặc những giao dịch ghi nợ từ Thẻ khi Thẻ không đủ số dư hoặc hết hạn sử dụng hoặc bị ngưng sử dụng. Theo đó, Chủ Thẻ đồng ý để Ngân Hàng tự động trích tiền từ các Tài Khoản của Chủ Thẻ để thanh toán khoản tiền này mà không cần phải thông báo cho Chủ Thẻ.

(iv) Chủ Thẻ phải thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho Thẻ và cam kết không tiết lộ số PIN, số CVV2 cho bất kỳ ai, trong bất kỳ trường hợp nào.

(v) Chủ Thẻ hiểu rằng các sự cố và rủi ro có thể xảy ra với các hệ thống máy tính, hệ thống đường truyền và hệ thống xử lý của Ngân Hàng. Khách Hàng xác nhận đã có đánh giá, nhận biết đầy đủ về các rủi ro có thể phát sinh khi sử dụng Thẻ trực tuyến và đồng ý miễn trừ pháp lý cho Ngân Hàng về mọi rủi ro phát sinh. Các rủi ro này có thể bao gồm tính bảo mật, tính liên tục không bị gián đoạn, sự cố đường truyền, điện, mạng, thiết bị, vi rút, các lỗi kỹ thuật, gian lận hoặc các rủi ro khác ngoài khả năng kiểm soát của Ngân Hàng gây nên.

4.2 Sử dụng Thẻ

(i) Chủ Thẻ chỉ được sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch nạp, rút tiền mặt; thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp tại các Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ, thanh toán trực tuyến trên trang điện tử, các ứng dụng điện tử trên phạm vi trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của Ngân Hàng.

(ii) Ngân Hàng sẽ ghi nợ vào Tài Khoản Thẻ cho tất cả các giao dịch được Chủ Thẻ thực hiện. Giao dịch có thể được cho phép bằng cách:

(a) sử dụng Thẻ, cùng hoặc không cùng với số PIN, thông qua bất kỳ phương thức ngân hàng trực tuyến nào có liên quan.

(b) xuất trình Thẻ cho Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ và ký vào hóa đơn hoặc giấy tờ khác được Ngân Hàng chấp nhận cho phép thực hiện giao dịch.

(c) cung cấp chi tiết Thẻ (mà không xuất trình thẻ trực tiếp hoặc không quẹt thẻ) cho Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ hoặc bất kỳ bên nào khác để thanh toán, trực tiếp hoặc thông qua một bên thứ ba, theo cách thức được Ngân Hàng chấp nhận; hoặc

(iii) Khi Chủ Thẻ thực hiện một giao dịch, Chủ Thẻ đồng ý thanh toán số tiền của giao dịch đó.

(iv) Mọi giao dịch có hiệu lực vào ngày thực hiện giao dịch và sẽ được hạch toán vào Thẻ vào ngày Ngân Hàng nhận được giao dịch. Theo đó, ngày mà Ngân Hàng nhận được một giao dịch để xử lý có thể không phải là ngày giao dịch được thực hiện.

(v) Thẻ có thể sử dụng trong phạm vi lãnh thổ trong và ngoài Việt Nam và được chấp nhận bởi các tổ chức tài chính và Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ có thể hiện biểu tượng thẻ VISA. Tuy nhiên, Ngân hàng không có nghĩa vụ bảo đảm Thẻ sẽ được chấp nhận để mua bán hàng hóa và dịch vụ tại các địa điểm nói trên.

(vi) Ngân Hàng sẽ không chịu trách nhiệm:

(a) nếu bất kỳ tổ chức tài chính hoặc Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ nào có trưng bày biểu tượng thẻ VISA từ chối chấp nhận hoặc từ chối thanh toán bằng Thẻ.

(b) đối với hàng hóa hoặc dịch vụ được mua bằng Thẻ; và

(c) nếu tiền mua hàng hóa và dịch vụ bằng Thẻ khác với tiền mua hàng hóa và dịch vụ cùng loại bằng tiền mặt.

(vii) Bất kỳ khiếu nại nào về hàng hóa hoặc dịch vụ được mua bằng Thẻ phải được giải quyết trực tiếp với Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ có liên quan.

(viii) Sử dụng Thẻ ở nước ngoài:

Việc sử dụng Thẻ ngoài lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo quy định tùy từng thời điểm của Ngân Hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và bất kỳ cơ quan quản lý khác.

(a) Phí giao dịch và phí quản lý giao dịch nước ngoài được áp dụng khi sử dụng các máy ATM PLUS ở nước ngoài. Nếu số tiền giao dịch lớn hơn Hạn Mức Khả Dụng của Thẻ thì giao dịch đó sẽ bị từ chối và sẽ bị tính phí.

Một số điểm ATM PLUS ở nước ngoài có thể tính thêm phụ phí khi Chủ Thẻ sử dụng Thẻ vật lý để rút tiền. Các khoản phụ phí sẽ không thể hiện thành một mục riêng trong Bản Sao Kê Thẻ mà được ghi nhận gộp chung trong tổng số tiền giao dịch.

(b) Tỷ Giá Ngoại Hối và Chuyển Đổi Tiền Tệ:

Tất cả các giao dịch Thẻ được thực hiện tại nước ngoài (được Ngân Hàng xác định căn cứ vào thông số về địa điểm giao dịch do bên bán hàng thiết lập với Ngân Hàng thanh toán theo quy định của các Tổ chức Thẻ quốc tế) bằng Đồng Việt Nam hoặc các loại tiền tệ không phải Đồng Việt Nam sẽ được ghi nợ vào Thẻ sau khi quy đổi sang Đồng Việt Nam cộng thêm phí quản lý giao dịch nước ngoài do Ngân Hàng quy định tại từng thời kỳ theo từng trường hợp như sau:

- giao dịch Thẻ được thực hiện bằng Đô-la Mỹ sẽ được quy đổi sang Đồng Việt Nam.

- giao dịch Thẻ được thực hiện bằng tất cả các loại tiền tệ không phải là Đô-la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam sẽ được quy đổi trực tiếp sang Đồng Việt Nam hoặc trước tiên quy đổi sang Đô-la Mỹ và sau đó sang Đồng Việt Nam.

- tỷ giá ngoại hối sẽ được xác định theo tỷ giá ngoại hối do VISA quyết định và/hoặc quy định của CIMB từng thời kỳ. Tỷ giá ngoại hối được sử dụng là tỷ giá ngoại hối vào ngày mà giao dịch được

ghi nhận vào Thẻ của Chủ Thẻ (để làm rõ, không áp dụng tỷ giá vào ngày giao dịch).

(ix) Đồng tiền sử dụng trong giao dịch Thẻ

(a) Chủ Thẻ chỉ có thể rút tiền từ tài khoản Đồng Việt Nam và tất cả số tiền mặt được rút sẽ là Đồng Việt Nam trong phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam và theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tất cả giao dịch rút tiền mặt thực hiện bên ngoài lãnh thổ nước Việt Nam sẽ là loại tiền tệ phù hợp với quy định của luật pháp của Việt nam và nước sở tại;

(b) Trường hợp được sử dụng ngoại hối để giao dịch theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối thì đồng tiền thể hiện trong giao dịch là Đồng Việt Nam hoặc Đồng Việt Nam và ngoại tệ.

(x) Thẻ chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của Chủ Thẻ với dữ liệu sinh trắc học theo quy định của Ngân Hàng và quy định của pháp luật tùy từng thời kỳ.

4.3 Thời hạn sử dụng Thẻ

Thẻ có hiệu lực tối đa là năm (05) năm kể từ ngày phát hành Thẻ. Sau khi Thẻ hết hạn, Chủ Thẻ phải hủy Thẻ bằng cách cắt Thẻ làm đôi theo đường chéo (kể cả chíp điện tử gắn trên Thẻ. Ngân Hàng có toàn quyền xem xét và quyết định gia hạn Thẻ theo quy định của Ngân Hàng tại từng thời kỳ, bao gồm cả việc gia hạn Thẻ tự động. Ngân Hàng sẽ thông báo tới Chủ Thẻ về việc Thẻ được gia hạn.

4.4 Bảng Sao Kê

(i) Bảng Sao Kê sẽ được Ngân Hàng gửi đến Chủ Thẻ vào Ngày Sao Kê trong đó nêu chi tiết về các khoản phát sinh trong Kỳ Sao Kê đã được ghi nhận trên hệ thống của CIMB, bao gồm nhưng không giới hạn các khoản thanh toán, rút tiền mặt cùng phí và lãi phát sinh, các khoản trả nợ, Dư Nợ Cuối Kỳ, Khoản Thanh Toán Tối Thiểu, Ngày Đến Hạn Thanh Toán và các thông tin khác do Ngân Hàng quy định. Ngân Hàng sẽ không phát hành Bảng Sao Kê cho Thẻ của Chủ Thẻ nếu không có một giao dịch nào được ghi vào Tài Khoản Thẻ kể từ Bảng Sao Kê trước.

(ii) Khoản Thanh Toán Tối Thiểu được tính theo thông lệ của Ngân Hàng và được thể hiện trên Bảng Sao Kê gửi đến Chủ Thẻ. Khoản Thanh Toán Tối Thiểu bao gồm:

(a) Khoản thanh toán tối thiểu cho các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ mới phát sinh trong Kỳ Sao Kê.

(b) Các khoản thanh toán tối thiểu quá hạn (bao gồm Dư Nợ của các giao dịch rút tiền mặt và thanh toán hàng hóa, dịch vụ).

(c) Các khoản thanh toán tối thiểu đến hạn (bao gồm Dư Nợ của các giao dịch rút tiền mặt và thanh toán hàng hóa, dịch vụ).

(d) Các khoản lãi và phí.

Khoản Thanh Toán Tối Thiểu có thể thay đổi theo quy định từng thời kỳ của Ngân Hàng.

(iii) Chủ Thẻ phải thông báo bằng văn bản về bất kỳ giao dịch nào trong Bảng Sao Kê mà không do Chủ Thẻ thực hiện hoặc không hợp lệ trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày Ngân Hàng gửi Bảng Sao Kê. Nếu Chủ Thẻ không thông báo trong thời hạn nêu trên, giao dịch trong Bảng Sao Kê sẽ được coi như là đúng và chính xác và Chủ Thẻ sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm thanh toán các giao dịch đó theo quy định của Ngân Hàng.

(iv) Khi Chủ Thẻ thông báo về bất kỳ giao dịch nào không do Chủ Thẻ thực hiện hoặc không hợp lệ trên Bảng Sao Kê, Ngân Hàng sẽ tiến hành điều tra theo quy định tại Điều 16 dưới đây. Chủ Thẻ phải hoàn toàn chịu thiệt hại và bồi thường thiệt hại do việc để Thẻ bị lợi dụng gây ra. Chủ Thẻ xác nhận và đồng ý rằng, Chủ Thẻ trước hết vẫn có trách nhiệm thanh toán cho Ngân Hàng tất cả số tiền phí, lãi, dư nợ giao dịch của các giao dịch bị lợi dụng trước khi Ngân Hàng có xác nhận vào Ngày Đến Hạn Thanh Toán.

(v) Việc Chủ Thẻ không nhận được Bảng Sao Kê không cấu thành đầy đủ lý do chính đáng cho việc Chủ Thẻ thanh toán không đúng hạn.

5. CHỈ THỊ ĐIỆN TỬ

5.1. Chủ Thẻ xác nhận rằng Ngân Hàng sẽ thực hiện theo các chỉ thị do Chủ Thẻ đưa ra thông qua Ứng Dụng OCTO by CIMB ("**Chỉ Thị Điện Tử**"). Chỉ Thị Điện Tử do Chủ Thẻ đưa ra sẽ ràng buộc Chủ Thẻ và không thể được hủy bỏ, sửa đổi hoặc thay đổi trừ khi được Ngân Hàng cho phép.

5.2. Trường hợp Chủ Thẻ thanh toán cho hoặc thực hiện giao dịch với bất kỳ Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ nào bằng một Chỉ Thị Điện Tử hoặc bằng cách tiết lộ thông tin về Thẻ cho Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ đó (mà không xuất trình thẻ trực tiếp hoặc không quẹt Thẻ), thì Chủ Thẻ đồng ý rằng Chủ Thẻ hiểu rõ và chấp nhận các rủi ro đi kèm theo hành động nói trên, đồng thời sẽ miễn trách và bảo đảm cho Ngân Hàng không bị tổn hại từ bất kỳ tổn thất

hoặc thiệt hại nào mà Chủ Thẻ có thể phải chịu liên quan đến các chỉ thị hoặc việc tiết lộ thông tin như vậy.

5.3. Ngân Hàng không chịu trách nhiệm đối với việc bất kỳ Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ nào từ chối chấp nhận Chỉ Thị Điện Tử nếu không phải do lỗi của Ngân Hàng.

6. TRUY VẤN THÔNG TIN THẺ

Chủ Thẻ có thể truy vấn các thông tin về việc phát hành Thẻ, số thẻ, ngày hết hạn, mã CVV2, Hạn Mức Khả Dụng, Hạn Mức Tín Dụng, lịch sử giao dịch Thẻ ngay khi Thẻ được phát hành trên hệ thống của Ngân Hàng thông qua Ứng Dụng OCTO by CIMB. Chủ Thẻ hiểu và đồng ý rằng các thông tin nêu trên có thể được Chủ Thẻ truy vấn trước khi Chủ Thẻ nhận được thẻ vật lý để thực hiện các giao dịch trực tuyến, theo đó, Chủ Thẻ hiểu rõ và chấp nhận các rủi ro đi kèm theo hành động nói trên, đồng thời sẽ miễn trách và bảo đảm cho Ngân Hàng không bị tổn hại từ bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà Chủ Thẻ có thể phải chịu liên quan đến các chỉ thị như vậy của Chủ Thẻ.

7. ĐẢM BẢO AN TOÀN, BẢO MẬT THẺ

7.1 Chủ Thẻ phải bảo quản Thẻ, bảo mật tuyệt đối mọi thông tin của Thẻ, số PIN, các mã số xác nhận Chủ Thẻ khác (nếu có), các thông tin Thẻ, thông tin giao dịch, không để lộ thông tin Thẻ; và không cho phép bất kỳ người nào khác sử dụng và phải ngăn ngừa, bảo vệ Thẻ khỏi việc sử dụng trái phép. Chủ Thẻ đồng thời phải thông báo và phối hợp với Ngân Hàng để xử lý khi xảy ra các trường hợp mất thẻ hoặc có yêu cầu tra soát, khiếu nại.

7.2 Chủ Thẻ phải tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn, bảo mật Thẻ sau đây:

(i) ký tên vào mặt sau Thẻ vật lý ngay khi nhận được.

(ii) vào ngày hết hạn thẻ, hủy Thẻ vật lý bằng cách cắt thẻ ra làm đôi theo đường chéo (kể cả Chíp Điện Tử trên Thẻ).

(iii) thực hiện các biện pháp hợp lý nhằm bảo vệ Thẻ không bị mất hoặc bị đánh cắp;

(iv) thông báo cho Ngân Hàng ngay khi Chủ Thẻ biết rằng Thẻ đã bị mất hoặc bị đánh cắp, hoặc các chi tiết của Thẻ đã bị người khác sử dụng mà không được phép của Chủ Thẻ.

(v) Chủ Thẻ phải luôn bảo quản Thẻ, bảo mật mật khẩu, số PIN, số CVV2, các mã số xác nhận Chủ Thẻ khác (nếu có), các thông tin thẻ, thông tin giao dịch bằng Thẻ. Chủ Thẻ không được: (a) cung cấp mật khẩu hoặc số PIN hoặc mã CVV2 cho bất kỳ người nào khác; (b) cho phép bất kỳ người nào khác nhìn thấy Chủ Thẻ nhập hoặc nghe lén Chủ Thẻ cung cấp mật khẩu hoặc số PIN hoặc mã CVV2; (c) ghi lại mật khẩu, số PIN hoặc mã CVV2 trên Thẻ hoặc trên bất kỳ vật nào được mang theo

hoặc đặt gần Thẻ mà có thể bị mất, bị đánh cắp hoặc sử dụng sai mục đích cùng với Thẻ dù mật khẩu hoặc số PIN của Chủ Thẻ được ngụy trang tốt đến mức nào đi nữa; và

(vi) Chủ Thẻ phải đảm bảo rằng Chíp Điện Tử luôn được bảo vệ không bị sử dụng sai mục đích, bị hư hại, phá hủy hoặc được bảo vệ khỏi bất kỳ hình thức sử dụng trái phép nào. Chỉ có Chủ Thẻ mới có thể sử dụng Chíp Điện Tử cho các dịch vụ hiện có. Thẻ vật lý có thể bị thu lại nếu Chíp Điện Tử bị bất kỳ người khác mà không phải là Chủ Thẻ sử dụng.

7.3 Chủ Thẻ hoàn toàn nhận thức rằng việc không tuân thủ các quy định bảo mật nêu tại điều này sẽ làm tăng trách nhiệm của Chủ Thẻ đối với bất kỳ việc sử dụng Thẻ trái phép nào. Chủ Thẻ sẽ miễn cho Ngân Hàng khỏi mọi trách nhiệm liên quan đến các thiệt hại do hoặc liên quan đến việc Chủ Thẻ không tuân thủ quy định nêu trên.

8. MẤT THẺ, SỬ DỤNG THẺ TRÁI PHÉP, ĐỂ LỘ THÔNG TIN THẺ

8.1 Chủ Thẻ phải thông báo cho Ngân Hàng và/hoặc chủ động thực hiện khóa Thẻ trên Ứng Dụng OCTO by CIMB ngay khi Chủ Thẻ biết rằng Thẻ bị mất hoặc bị đánh cắp, hoặc các thông tin chi tiết của Thẻ bị lộ hoặc đã bị người khác sử dụng mà không được phép của Chủ Thẻ.

8.2 Khi nhận được thông báo của Chủ Thẻ, Ngân Hàng sẽ tiến hành việc khóa Thẻ. Thời hạn Ngân Hàng hoàn thành việc xử lý thông báo nhận được từ Chủ Thẻ là năm (05) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ Thẻ. Nếu Chủ Thẻ tìm thấy Thẻ đã bị mất hoặc bị đánh cắp thì Chủ Thẻ phải hủy Thẻ đó bằng cách cắt thẻ làm đôi theo đường chéo (kể cả Chíp Điện Tử gắn trên Thẻ)

8.3 Chủ Thẻ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và rủi ro (nếu phát sinh) về tất cả các giao dịch liên quan đến Thẻ và cho mọi thiệt hại phát sinh từ việc mất Thẻ, sử dụng Thẻ trái phép hoặc để lộ thông tin Thẻ được thực hiện trước khi Ngân Hàng cung cấp xác nhận bằng văn bản hoặc theo hình thức thông báo hợp lệ nào khác rằng Ngân Hàng đã tiếp nhận và xử lý thông báo nhận được từ Chủ Thẻ.

8.4 Nếu Thẻ bị sử dụng trái phép sau khi Ngân Hàng cung cấp xác nhận bằng văn bản hoặc hình thức thông báo hợp lệ khác rằng Ngân Hàng đã tiếp nhận và xử lý thông báo nhận được từ Chủ Thẻ, Ngân Hàng sẽ chịu trách nhiệm cho tổn thất gây ra từ việc mất Thẻ, việc sử dụng Thẻ trái phép hoặc để lộ thông tin đó.

8.5 Chủ Thẻ phải thông báo cho Ngân Hàng ngay khi Chủ Thẻ biết được hoặc nghi ngờ về việc mật khẩu, tên truy nhập, số PIN hoặc Số Đăng Ký Chủ Thẻ (CRN) bị tiết lộ hoặc sử

dụng mà không được Chủ Thẻ cho phép. Khi đó, Chủ Thẻ không được tiếp tục sử dụng mật khẩu, tên truy nhập, số PIN hoặc số CRN. Ngân Hàng sẽ hủy bỏ mật khẩu, tên truy nhập, số PIN hoặc số CRN nói trên và thu xếp cho Chủ Thẻ lựa chọn tên truy nhập, mật khẩu, số PIN mới, hoặc được cấp số CRN mới.

8.6 Chủ Thẻ đồng ý rằng Ngân Hàng có quyền khóa Thẻ trong trường hợp Ngân Hàng nhận thấy rằng Thẻ đã bị lộ thông tin hoặc sử dụng trái phép. Ngân Hàng được miễn trừ mọi trách nhiệm và rủi ro phát sinh liên quan đến các hành vi bất hợp pháp phát sinh từ Thẻ trong trường hợp Chủ Thẻ làm lộ các thông tin trên Thẻ và các thông tin bảo mật khác liên quan đến Thẻ vì bất kỳ lý do gì.

8.7 Chủ Thẻ phải bồi thường cho Ngân Hàng về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào phát sinh từ việc phát hành và sử dụng Thẻ mà Ngân Hàng phải chịu.

8.8 Khi Chủ Thẻ yêu cầu cấp lại Thẻ, Ngân Hàng sẽ có quyền thu phí thay thế Thẻ (nếu có) bằng cách ghi nợ vào Tài Khoản. Phí cấp lại Thẻ sẽ được áp dụng theo Biểu Phí Thẻ của Ngân Hàng được quy định theo từng thời kỳ.

9 PHÍ, LỆ PHÍ

9.1 Chủ Thẻ có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, kịp thời tất cả các khoản phí và lệ phí liên quan đến việc phát hành và sử dụng Thẻ cho Ngân Hàng.

9.2 Chi tiết về các loại phí áp dụng cho Thẻ được nêu trong Biểu Phí Thẻ do Ngân Hàng công bố trên trang website chính thức của Ngân Hàng và niêm yết công khai các địa điểm giao dịch của Ngân Hàng. Biểu Phí Thẻ là một phần không thể tách rời của Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này. Với thông báo bằng văn bản trước bảy (07) ngày cho Chủ Thẻ, Ngân Hàng có toàn quyền thay đổi về mức phí, loại phí, cách tính phí, hình thức thu phí và nội dung trong Biểu Phí và sẽ thông báo cho Chủ Thẻ bằng một trong các hình thức: (i) gửi thông báo qua thư điện tử đã đăng ký của Chủ Thẻ, hoặc (ii) niêm yết tại trụ sở của Ngân Hàng hoặc tại các địa điểm giao dịch của Ngân Hàng, hoặc (iii) công bố trên website chính thức của Ngân Hàng, hoặc (iv) theo hình thức thông báo khác do Ngân Hàng quyết định.

Việc Chủ Thẻ tiếp tục truy cập và sử dụng Thẻ sau sau bảy (07) ngày kể từ thời điểm có hiệu lực của thay đổi nêu trên được Ngân Hàng thông báo/công bố được xem là Chủ Thẻ đã nhận biết, chấp nhận và đồng ý ràng buộc với các sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ đó mà không có bảo lưu. Trong trường hợp không đồng ý với bất kỳ sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ nêu trên, Chủ Thẻ có thể ngừng truy cập, sử dụng và thực hiện thủ tục chấm dứt sử dụng Thẻ theo quy định của Ngân Hàng. Chủ Thẻ đồng ý rằng Chủ Thẻ vẫn bị ràng buộc bởi các sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ này trong việc sử dụng Thẻ có liên quan.

9.3 Chủ Thẻ đồng ý rằng Ngân Hàng có quyền ghi nợ các khoản phí, lệ phí và phí được nêu trong Biểu Phí Thẻ trên Tài Khoản Thẻ của Chủ Thẻ bất kể rằng việc ghi nợ đó có thể dẫn đến hoặc làm tăng dư nợ Thẻ đó. Ngoài ra, các khoản phí, lệ phí hoặc phí tổn như trên sẽ được thể hiện trong Bản Sao Kê hoặc trong lịch sử giao dịch Tài Khoản Thẻ tương ứng.

10 LÃI SUẤT VÀ CÁCH TÍNH LÃI

10.1 Lãi suất:

Lãi suất áp dụng của Thẻ được quy định trong Biểu Phí Thẻ và có hiệu lực tại thời điểm áp dụng. được công bố công khai tại trên trang website chính thức của Ngân Hàng và niêm yết công khai các địa điểm giao dịch của Ngân Hàng. Với thông báo bằng văn bản trước bảy (07) ngày cho Chủ Thẻ, Ngân Hàng có toàn quyền thay đổi về mức lãi suất, cách tính lãi suất và sẽ thông báo cho Chủ Thẻ bằng một trong các hình thức: (i) gửi thông báo qua thư điện tử đã đăng ký của Chủ Thẻ, hoặc (ii) niêm yết tại trụ sở của Ngân Hàng hoặc tại các địa điểm giao dịch của Ngân Hàng, hoặc (iii) công bố trên website chính thức của Ngân Hàng, hoặc (iv) theo hình thức thông báo khác do Ngân Hàng quyết định

10.2 Cách tính lãi:

(i) Đối với phần Dư Nợ phải trả lãi, tiền lãi được tính trên Dư Nợ thực tế của Chủ Thẻ và thời gian phát sinh Dư Nợ thực tế. Tiền lãi được tính theo ngày, được cộng dồn và được ghi nợ vào Ngày Sao Kê.

Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời gian phát sinh Dư Nợ thực tế.

(ii) Công thức tính lãi:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Dư Nợ thực tế x Số ngày duy trì Dư Nợ thực tế x Lãi suất tính lãi})}{365}$$

(iii) Kỳ hạn thanh toán: đối với Dư Nợ phải trả lãi, số tiền thanh toán hàng tháng sẽ được hoàn trả thành nhiều đợt bằng nhau bao gồm dư nợ gốc và lãi của dư nợ này theo kỳ hạn thanh toán được quy định theo từng thời kỳ theo quy định của Ngân Hàng.

(iv) Các giao dịch tính lãi:

- Đối với giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ: Chậm nhất vào Ngày Đến Hạn Thanh Toán, nếu Chủ Thẻ không thanh toán toàn bộ Dư Nợ Cuối Kỳ theo Bảng Sao Kê gần nhất, Ngân Hàng sẽ tính lãi đối với toàn bộ Dư Nợ

thực tế còn lại của các giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong Kỳ Sao Kê của Chủ Thẻ theo nguyên tắc quy định tại điểm (i) và (ii) Điều 10.1 Cách tính lãi trên đây. Thời gian tính lãi bắt đầu sau một (01) ngày kể từ Ngày Sao Kê ghi nhận các giao dịch này đến ngày Chủ Thẻ thanh toán toàn bộ Dư Nợ thực tế (không bao gồm ngày thanh toán).

- Đối với giao dịch rút tiền mặt: Dư Nợ của giao dịch rút tiền mặt sẽ tính lãi tính trên Dư Nợ thực tế của Chủ Thẻ và thời gian phát sinh Dư Nợ thực tế được tính từ ngày giao dịch được ghi nhận vào hệ thống Ngân Hàng đến ngày Chủ Thẻ thanh toán toàn bộ Dư Nợ thực tế (không bao gồm ngày thanh toán).

(v) Lãi suất tính lãi: được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm), một năm là 365 ngày.

11 THANH TOÁN THẺ

11.1 Vào ngày hoặc trước Ngày Đến Hạn Thanh Toán được nêu trong Bảng Sao Kê, Chủ Thẻ phải thanh toán ít nhất là Khoản Thanh Toán Tối Thiểu được thể hiện trong Bảng Sao Kê. Chủ Thẻ theo đây chỉ thị cho Ngân Hàng tự động ghi nợ để khấu trừ một phần hoặc toàn bộ số dư có trên Tài Khoản Thẻ để thanh toán Dư Nợ tương ứng trong Bảng Sao Kê. Chủ Thẻ có trách nhiệm đảm bảo khoản thanh toán cho Thẻ được thực hiện thành công trước hoặc trong Ngày Đến Hạn Thanh Toán.

Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán đúng hạn cho Ngân Hàng các Dư Nợ phát sinh ghi trên Bảng Kao Kê, có thể thanh toán một phần Dư Nợ hoặc thanh toán toàn bộ Dư Nợ cùng với Khoản Thanh Toán Tối Thiểu.

11.2 Dư Nợ sẽ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên dưới đây và theo thứ tự thời gian giao dịch/Dư Nợ được cập nhật vào hệ thống:

(i) Các loại phí (bao gồm cả phí chậm thanh toán);

(ii) Các Khoản Thanh Toán Tối Thiểu quá hạn và đến hạn (bao gồm của Dư Nợ của các giao dịch rút tiền mặt và thanh toán hàng hóa, dịch vụ);

(iii) Dư Nợ của các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ mới phát sinh trong Kỳ Sao Kê;

(iv) Tiền lãi và Dư Nợ gốc còn lại của giao dịch rút tiền mặt và thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

Khoản thanh toán nếu còn dư sau khi đã cấn trừ cho các khoản như để cập tại thứ tự ưu tiên thanh toán trên đây sẽ được cấn trừ cho các giao dịch/dư nợ chưa được lập Bảng Sao Kê. Thứ tự này có thể thay đổi phù hợp với quy định, theo từng thời kỳ của Ngân Hàng.

11.3 Bất kỳ giao dịch ngoại tệ nào được thực hiện qua Thẻ sẽ được quy đổi giá trị giao dịch sang Đồng Việt Nam (VND) theo quy định tại Điều 4.2.(vii).

11.4 Mọi thanh toán sau Ngày Đến Hạn Thanh Toán sẽ được ghi nhận là chậm thanh toán và có thể dẫn đến việc lịch sử tín dụng Chủ Thẻ sẽ bị ghi nhận và ảnh hưởng tiêu cực đến các khoản tín dụng trong tương lai của Chủ Thẻ. Bất cứ các khoản thanh toán nào được thực hiện và ghi nhận vào Thẻ trước thời điểm lập Bảng Sao Kê chỉ làm giảm số dư nợ hiện thời (nếu có), không được xem là khoản thanh toán của Bảng Sao Kê này.

11.5 Trường hợp Chủ Thẻ được hoàn trả một phần hoặc toàn bộ khoản tiền đã thanh toán qua Thẻ do vấn đề phát sinh với giao dịch trên Thẻ với bất kỳ lý do gì (bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp giao dịch bị tranh chấp, hủy hay bị vô hiệu) Ngân Hàng sẽ tiến hành ghi có các khoản hoàn trả vào Tài Khoản Thẻ của Chủ Thẻ sau khi nhận được các khoản này từ bên bán hàng hoặc bên liên quan khác.

12 CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN VÀ THU HỒI NỢ

12.1 Chuyển nợ quá hạn

Sau 01 ngày kể từ Ngày Đến Hạn Thanh Toán, nếu Chủ Thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn số Khoản Thanh Toán Tối Thiểu, toàn bộ Dư Nợ chưa thanh toán sẽ chuyển sang nợ quá hạn và sẽ chịu Phí chậm thanh toán theo quy định tại Biểu Phí Thẻ của Ngân Hàng từng thời kỳ.

12.2 Thu hồi nợ

(i) Nếu Chủ Thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Khoản Thanh Toán Tối Thiểu sau Ngày Đến Hạn Thanh Toán, Ngân Hàng được toàn quyền quyết định khóa Thẻ tạm thời. Ngân Hàng sẽ chấm dứt việc khóa Thẻ tạm thời khi Chủ Thẻ thanh toán ít nhất Khoản Thanh Toán Tối Thiểu chưa thanh toán.

(ii) Sau 90 ngày kể từ Ngày Đến Hạn Thanh Toán, nếu Chủ Thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Dư Nợ Cuối Kỳ, Ngân Hàng được toàn quyền khóa thẻ vĩnh viễn, chấm dứt việc sử dụng thẻ, thu hồi thẻ, tiến hành các thủ tục thu hồi nợ.

(iii) Trong trường hợp Dư Nợ của Thẻ bị chuyển sang nợ quá hạn, Chủ Thẻ đồng ý cho Ngân Hàng được quyền trích nợ/tất toán các tài khoản (bao gồm cả tài khoản thanh toán chung), các khoản tiền gửi của Chủ Thẻ tại Ngân Hàng để thu nợ theo các phương thức mà Ngân Hàng lựa chọn mà không cần thêm bất cứ chấp thuận nào từ phía Chủ Thẻ. Trong trường hợp trích nợ/tất toán các khoản tiền gửi (sổ/thẻ tiết

kiệm) của Chủ Thẻ để thanh toán các khoản Dư Nợ, Ngân Hàng được miễn trách nhiệm về việc chấm dứt trước hạn kỳ hạn gửi tiền của Chủ Thẻ.

12.3 Ngân Hàng sẽ áp dụng phí chậm thanh toán đối với các khoản nợ quá hạn phát sinh do Chủ Thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ Khoản Thanh Toán Tối Thiểu của Kỳ Sao Kê. Khoản tiền phí chậm thanh toán sẽ đến hạn ngay lập tức vào Ngày Đến Hạn Thanh Toán.

13 HẾT HẠN, THU HỒI, PHÁT HÀNH LẠI, TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT SỬ DỤNG THẺ

13.1 Thẻ sẽ được coi là hợp lệ cho đến ngày cuối cùng của tháng/năm hiển thị trên Thẻ. Chủ Thẻ không thể sử dụng Thẻ khi hết thời hạn có hiệu lực ghi trên Thẻ. Ngân Hàng có toàn quyền xem xét và quyết định thực hiện việc gia hạn Thẻ theo quy định của Ngân Hàng tại từng thời kỳ, bao gồm cả việc thực hiện gia hạn Thẻ tự động. Chủ Thẻ có thể sử dụng Ứng Dụng OCTO by CIMB để yêu cầu gia hạn Thẻ.

13.2 Ngân Hàng có quyền thu hồi Thẻ ngay lập tức trong các trường hợp sau:

(i) Thẻ giả;

(ii) Thẻ sử dụng trái phép;

(iii) Phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật;

(iv) Các trường hợp khác Chủ thẻ vi phạm quy định của pháp luật, quy định của Ngân Hàng, hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này.

13.3 Chủ Thẻ có quyền yêu cầu Ngân Hàng phát hành lại Thẻ và phải trả phí phát hành lại Thẻ theo quy định của Ngân Hàng.

13.4 Khách Hàng thừa nhận rằng Ngân Hàng có quyền hủy bỏ hoặc chấm dứt việc cung cấp dịch vụ Thẻ tại bất kỳ thời điểm nào nếu:

(i) Ngân Hàng, theo toàn quyền quyết định của mình, tin rằng việc sử dụng Thẻ có thể gây tổn thất cho Chủ Thẻ hoặc cho Ngân Hàng, và/hoặc có cơ sở để đánh giárủi ro không thu hồi được Dư Nợ chưa thanh toán của Chủ Thẻ.

(ii) theo quan điểm hợp lý của Ngân Hàng, Chủ Thẻ đã can thiệp vào, sử dụng sai mục đích hoặc cho phép người khác sử dụng Chíp Điện Tử trên Thẻ của Chủ Thẻ. Chủ Thẻ thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi liên quan đến Thẻ giả, giao dịch gian lận, giả mạo, giao dịch khống hoặc Chủ Thẻ sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác

(iii) thông tin do Chủ Thẻ cung cấp không đầy đủ, chính xác hoặc không trung thực, sai sự thật;

(iv) Chủ Thẻ chết, mất tích.

(v) Chủ Thẻ bị bắt, khởi tố, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc để chấp hành bản án hình sự;

(vi) Chủ Thẻ không thực hiện, không hoàn thành nghĩa vụ hoặc vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng Thẻ, Bản Điều Khoản và Điều Kiện Chung, các điều khoản của sản phẩm, dịch vụ khác đã ký với Ngân Hàng hoặc vi phạm quy định pháp luật;

(vii) giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam của Chủ Thẻ còn hiệu lực nhỏ hơn 15 ngày tính đến ngày hết hạn.

(viii) Hồ sơ đăng ký mở Thẻ Tín Dụng của Chủ Thẻ chứa thông tin gian lận, đáng ngờ và/hoặc các trường hợp gian lận khác của Chủ Thẻ theo quy đinh của pháp luật có liên quan.

(ix) Chủ Thẻ không đáp ứng được các điều kiện cấp Thẻ Tín Dụng theo quy định, tùy từng thời kỳ, của Ngân Hàng và/hoặc pháp luật áp dụng.

(x) các trường hợp khác theo quy định của Ngân Hàng và pháp luật.

13.5 Chấm dứt sử dụng Thẻ theo yêu cầu của Chủ Thẻ:

(i) Chủ Thẻ có thể yêu cầu Ngân Hàng hủy bỏ Thẻ tại bất kỳ thời điểm nào bằng các phương thức yêu cầu được Ngân Hàng quy định từng thời kỳ.

(ii) Chủ Thẻ phải thanh toán toàn bộ Dư Nợ trên Thẻ, tất cả các khoản giao dịch trước thời điểm Thẻ bị chấm dứt sử dụng và các khoản phát sinh (nếu có) chưa được cập nhật trên Tài Khoản Thẻ theo thông báo của Ngân Hàng.

13.6 Việc chấm dứt sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ chỉ có hiệu lực và được Ngân Hàng chấp thuận khi Chủ Thẻ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm với Ngân Hàng như sau:

(i) Việc chấm dứt Hợp Đồng Thẻ với Ngân Hàng có hiệu lực khi Chủ Thẻ thanh toán toàn bộ Dư Nợ và Thẻ được hủy bỏ trên hệ thống của Ngân Hàng.

(ii) Khi chấm dứt việc sử dụng Thẻ theo yêu cầu của Ngân Hàng hay theo yêu cầu của Chủ Thẻ thì toàn bộ Dư Nợ sẽ đến hạn và Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh liên quan đến Thẻ tới thời điểm đó. Chủ Thẻ vẫn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc sử dụng Thẻ cho đến khi Thẻ đã được Ngân Hàng hủy bỏ và thông báo cho Chủ Thẻ.

(iii) Chủ Thẻ vẫn phải chịu trách nhiệm đối với bất kỳ giao dịch được ghi nợ vào Thẻ theo bất kỳ yêu cầu theo định kỳ nào hoặc bất kỳ liên kết được phép nào khác đến Thẻ đã được Ngân Hàng phát hành cho Chủ Thẻ cho đến khi yêu cầu nói trên bị hủy bỏ.

(iv) Không phụ thuộc vào việc Chủ Thẻ yêu cầu chấm dứt việc sử dụng Thẻ, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ Thẻ yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ và/ hoặc ngày Ngân Hàng thực hiện khóa Thẻ, nếu Tài Khoản Thẻ của Chủ Thẻ có phát sinh giao dịch thì Chủ Thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán đối với các giao dịch phát sinh.

14 TỪ CHỐI THANH TOÁN THẺ, TẠM KHÓA, TẠM DỪNG GIAO DỊCH THẺ

14.1. Từ chối thanh toán Thẻ

Ngân Hàng có quyền từ chối chấp nhận thanh toán bằng Thẻ trong các trường hợp sau:

(i) Thẻ bị khóa.

(ii) Thẻ hết thời hạn sử dụng.

(iii) Thẻ đã được Chủ Thẻ thông báo bị mất, bị hỏng và Ngân Hàng đã xác nhận việc nhận được thông báo này.

(iv) Sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán khống tại Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ) và các giao dịch Thẻ bị cấm theo quy định của Nghị định Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

(v) Nghi ngờ về tính trung thực, mục đích giao dịch của chủ thẻ theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

(vi) Thẻ giả hoặc có liên quan đến giao dịch giả mạo.

(vii) Hạn mức khả dụng không đủ chi trả khoản thanh toán.

(viii) Giá trị của giao dịch Thẻ vượt quá Hạn Mức Giao Dịch như giá trị giao dịch/lần, số lần giao dịch/ngày, giá trị giao dịch/ngày theo quy định của Ngân Hàng (nếu có).

(ix) Thẻ vật lý bị lỗi Chíp Điện Tử hoặc dải từ.

(x) Thiết Bị hoặc tổ chức thanh toán thẻ không kết nối thành công được với Ngân Hàng.

(xi) Thẻ nhập sai số PIN.

(xii) Phát hiện giao dịch đó có nội dung trái với quy định pháp luật hoặc trái với tập quán sử dụng Thẻ.

(xiii) Giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam của Chủ Thẻ còn hiệu lực nhỏ hơn 15 ngày tính đến ngày hết hạn.

(xiv) Thẻ bị thu hồi theo quy định tại Điều 13.2; Thẻ đã chấm dứt sử dụng theo quy định tại Điều 13.4, 13.5; Thẻ tạm dừng giao dịch theo quy định tại Điều 14.3.

(xi) Thẻ có phát sinh giao dịch nhưng không thể liên hệ được với Chủ Thẻ theo thông tin liên hệ do Chủ Thẻ cung cấp.

(xv) Chủ Thẻ vi phạm bất cứ thỏa thuận, hợp đồng, cam kết nào đã ký với Ngân Hàng, hoặc.

(xvi) Các trường hợp khác theo quy định của Ngân Hàng và/hoặc pháp luật hiện hành.

14.2. Tạm khóa Thẻ

(i) Ngân Hàng có quyền tạm khóa trong các trường hợp sau:

(a) Các trường hợp liên quan đến giả mạo và quản lý rủi ro Thẻ.

(b) Ngân Hàng phát hiện Thẻ sử dụng để thực hiện các giao dịch bị cấm: Các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác; giao dịch gian lận giả mạo; giao dịch khống tại Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ);

(c) Giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam của Chủ Thẻ còn hiệu lực nhỏ hơn 15 ngày tính đến ngày hết hạn.

(d) Phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật;

(e) Thẻ đã được Chủ Thẻ thông báo bị mất, bị hỏng;

(f) Thẻ hết hạn sử dụng;

(g) Nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật, quy định của cơ quan quản lý Ngân Hàng, và yêu cầu của cơ quan nhà nước;

(h) Chủ Thẻ không thực hiện, không hoàn thành nghĩa vụ hoặc vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng Thẻ, Bản Điều Khoản và Điều Kiện Chung, các điều khoản của sản phẩm, dịch vụ khác đã ký với Ngân Hàng hoặc vi phạm quy định pháp luật;

(i) Khi xảy ra sự cố đe dọa sự an toàn, tính bảo mật của Thẻ;

(j) Chủ Thẻ có bất kỳ khoản tín dụng nào tại Ngân Hàng và/hoặc các tổ chức tín dụng khác bị chuyển sang nợ quá hạn.

(k) Các trường hợp khác theo quy định của Ngân Hàng và/hoặc pháp luật hiện hành.

(ii) Trong trường hợp Thẻ bị tạm khóa, Thẻ sẽ tạm thời không thể sử dụng được và các dịch vụ, tiện ích đi kèm Thẻ sẽ bị tạm ngưng kể từ thời điểm tạm khóa cho đến khi Chủ Thẻ yêu cầu mở khóa và được Ngân Hàng chấp thuận.

14.3. Tạm dừng hoặc từ chối giao dịch Thẻ bằng phương tiện điện tử

Ngân Hàng có quyền tạm dừng hoặc từ chối giao dịch Thẻ bằng phương tiện điện tử khi:

(i) Chủ Thẻ chưa hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của Chủ Thẻ với thông tin sinh trắc học theo quy định của Ngân Hàng và quy định của pháp luật tùy từng thời kỳ.

(ii) Thẻ có phát sinh giao dịch nhưng không thể liên hệ được với Chủ Thẻ theo thông tin liên hệ do Chủ Thẻ cung cấp.

15 HOÀN LẠI SỐ DƯ CÓ THỂ

Khi Thẻ đóng hoặc hết hạn, Ngân Hàng sẽ hoàn trả lại cho Chủ Thẻ Số Dư Có Thẻ (nếu có) sau khi đã trừ tất cả các khoản phí, lệ phí và các nghĩa vụ thanh toán của Chủ Thẻ với Ngân Hàng, vào tài khoản thanh toán của Chủ Thẻ mở tại Ngân Hàng hoặc bằng tiền mặt tùy thuộc vào chỉ thị của Chủ Thẻ.

16 TRA SOÁT, XỬ LÝ KHIẾU NẠI

16.1 Chủ Thẻ có thể yêu cầu Ngân Hàng tra soát, tiếp nhận khiếu nại của mình khi phát hiện có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót về giao dịch Thẻ thông qua Trung Tâm Hỗ Trợ Khách Hàng tại Ứng Dụng OCTO by CIMB, hoặc liên hệ qua tổng đài điện thoại Trung Tâm Hỗ Trợ Khách Hàng 24/7 1900 969696 (có ghi âm), qua các điểm giao dịch của Ngân Hàng hoặc qua địa chỉ thư điện tử cimbcare@cimb.com. Chủ Thẻ có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết để Ngân Hàng xác minh khách hàng, xác thực thông tin.

16.2 Chủ Thẻ phải cung cấp cho Ngân Hàng bất cứ thông tin, tài liệu liên quan chứng minh nội dung của khiếu nại theo yêu cầu của Ngân Hàng. Ngân Hàng chỉ tiếp nhận các biểu mẫu đề nghị tra soát, khiếu nại (văn bản giấy và điện tử) hoàn chỉnh để tiến hành xử lý khiếu nại. Nếu Chủ Thẻ không gửi biểu mẫu theo yêu cầu trong thời gian quy định, Ngân Hàng không có trách nhiệm phải điều tra và Chủ Thẻ sẽ phải chịu toàn bộ chi phí của giao dịch. Việc điều tra sẽ được tiến hành theo các quy định của Ngân Hàng về khiếu nại. Nếu kết quả điều tra được kết luận là không đúng như khiếu nại, Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán phí do khiếu nại sai theo quy định tại Biểu Phí Ngân Hàng tùy từng thời kỳ.

16.3 Thời hạn Ngân Hàng tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại của Chủ Thẻ là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch yêu cầu tra soát, khiếu nại. Sau thời hạn này, nếu Ngân Hàng không nhận được bất kỳ khiếu nại nào từ Chủ Thẻ thì các giao dịch hiển thị trên sao kê sẽ được coi là đúng và hợp lệ và Chủ Thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho các giao dịch đó theo chính sách của Ngân Hàng. Ngân Hàng sẽ không phải chịu trách nhiệm cho bất kỳ khiếu nại nào được gửi đến sau thời gian quy định nêu trên.

16.4 Ngân Hàng sẽ thực hiện các biện pháp khóa Thẻ khi Chủ Thẻ đề nghị khóa Thẻ do nghi ngờ có gian lận hoặc tổn thất và chịu trách nhiệm với tổn thất phát sinh đối với Chủ Thẻ do việc sử dụng Thẻ sau thời điểm khóa Thẻ.

16.5 Thời hạn xử lý đối với đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu là sáu mươi (60) Ngày Làm Việc kể từ ngày Ngân Hàng nhận được đầy đủ chứng từ liên quan đến đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của Chủ Thẻ theo một trong các hình thức tiếp nhận quy định tại Điều 16.1.

16.6 Xử lý kết quả tra soát, khiếu nại:

(iii) Trong thời hạn tối đa năm (05) Ngày Làm Việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Chủ Thẻ, Ngân Hàng sẽ thực hiện bồi hoàn cho Chủ Thẻ đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của Chủ Thẻ và/hoặc không thuộc các sự kiện bất khả kháng theo Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này. Trường hợp tổn thất phát sinh do lỗi của các bên liên quan (tổ chức phát hành thẻ, tổ chức chuyển mạch thẻ, tổ chức thanh toán thẻ, đơn vị chấp nhận thẻ), bên có lỗi có trách

nhiệm bồi hoàn cho Ngân Hàng theo thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

(iv) Trong trường hợp hết thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại theo quy định tại Điều 16.5 không xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng mười lăm (15) Ngày Làm Việc tiếp theo, Ngân Hàng sẽ thỏa thuận với Chủ Thẻ về phương án xử lý cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền phân định rõ lỗi và trách nhiệm của các bên. Trường hợp Ngân Hàng, Chủ Thẻ và các bên liên quan không thỏa thuận được hoặc không đồng ý với kết quả xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

(v) Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm, Ngân Hàng sẽ thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và báo cáo Ngân hàng Nhà nước, đồng thời, thông báo bằng văn bản cho Chủ Thẻ về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có dấu hiệu tội phạm, trong vòng mười lăm (15) Ngày Làm Việc kể từ ngày có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ngân Hàng thỏa thuận với Chủ Thẻ về phương án xử lý kết quả tra soát, khiếu nại.

17 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KHÁC CỦA CHỦ THẺ VÀ NGÂN HÀNG

17.1 Quyền và nghĩa vụ của Chủ Thẻ

(i) <u>Quyền của Chủ thẻ</u>

(a) Sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi sử dụng Thẻ theo quy định tại Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng.

(b) Trong quá trình sử dụng Thẻ, Chủ thẻ có quyền yêu cầu Ngân Hàng cấp lại PIN, thay thế Thẻ, khóa/mở Thẻ và các yêu cầu khác theo quy định của Ngân Hàng.

(c) Chủ thẻ có quyền đề nghị chấm dứt sử dụng Thẻ bằng văn bản cho Ngân Hàng. Việc Ngân Hàng nhận được văn bản thông báo của Chủ thẻ chính trong trường hợp này là bằng chứng về việc chấm dứt sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ, không phụ thuộc vào việc Ngân Hàng đã thực hiện thu hồi và/hoặc khóa (các) Thẻ hay chưa. Việc chấm dứt này không làm xóa bỏ hay thay đổi bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào chưa thực hiện, hoặc thực hiện chưa đúng/chưa đủ của Chủ thẻ đối với Ngân Hàng.

(d) Các quyền khác theo thỏa thuận với Ngân Hàng tại Hợp Đồng Thẻ và theo quy định của pháp luật.

(ii) Nghĩa vụ của Chủ Thẻ

(a) Tuân thủ các Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng, Bản Điều Khoản và Điều Kiện Chung và các thỏa thuậnvới Ngân Hàng.

(b) Cam kết không thực hiện các giao dịch trái với luật pháp hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và/hoặc nước sở tại.

(c) Chủ Thẻ chịu mọi trách nhiệm đối với an toàn và bảo mật của Thẻ Tín Dụng và thông tin Thẻ Tín Dụng.

(d) Chịu mọi rủi ro có thể xảy ra nếu giao dịch vi phạm chính sách cấm vận của Mỹ và/hoặc quốc gia nào và/hoặc bất kỳ tổ chức nào áp đặt.

(e) Chịu trách nhiệm với tất cả các giao dịch/ yêu cầu/ đề nghị/ lệnh phát sinh trên Ứng Dụng OCTO by CIMB đã được xác thực bằng chữ ký điện tử của Chủ Thẻ theo thỏa thuận với Ngân Hàng.

(f) Cung cấp, cập nhật đầy đủ và chính xác các thông tin cần thiết theo yêu cầu của Ngân Hàng và các tổ chức, cá nhân được phép khác theo quy định của pháp luật khi phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ. Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm về tính trung thực của các thông tin mà mình cung cấp.

(g) Chủ Thẻ có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ, phí, lãi, chi phí phát sinh theo các quy định của Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng. Chủ Thẻ cam kết nguồn gốc tiền/tài sản dùng để thanh toán cho các nghĩa vụ theo Hợp Đồng Thẻ là hợp pháp và tuân thủ quy định của pháp luật và của Ngân Hàng về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ cấm vận.

(h) Trong trường hợp tài khoản thanh toán của Chủ thẻ không đủ số dư để thanh toán các giao dịch thẻ phát sinh, Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân Hàng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu thanh toán từ Ngân Hàng.

(i) Chủ thẻ có trách nhiệm cập nhật, bổ sung thông tin giấy tờ tùy thân trong trường hợp giấy tờ tùy thân của Chủ thẻ hết hiệu lực hoặc hết thời hạn

(j) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với Ngân Hàng và quy định của pháp luật.

17.2 Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng

(i) Quyền của Ngân Hàng

(a) Kiểm tra việc sử dụng các khoản tín dụng cấp qua Thẻ của Chủ Thẻ và yêu cầu Chủ Thẻ cung cấp thông tin, tài liệu cho việc kiểm tra đó.

(b) Từ chối thực hiện các giao dịch không hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật hoặc các giao dịch có mục đích gian lận, rửa tiền, tài trợ khủng bố và vi phạm cấm vận.

(c) Từ chối mở khóa Thẻ, từ chối cấp lại Thẻ, từ chối tiếp tục/gia hạn việc cấp Thẻ, từ chối thanh toán giao dịch Thẻ, tạm khóa, thu hồi, hủy hiệu lực Thẻ hoặc đóng Thẻ theo quy định tại Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này và các quy định của pháp luật.

(d) Yêu cầu Chủ Thẻ thanh toán đầy đủ lãi, các loại phí Thẻ Tín Dụng được niêm yết trong Biểu Phí Thẻ và các loại phí dịch vụ, phí khác theo quy định của Ngân Hàng.

(e) Trường hợp Chủ Thẻ không thực hiện thanh toán cho Ngân Hàng theo quy định tại Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này, Chủ Thẻ đồng ý rằng Ngân Hàng có quyền chủ động trích nợ từ tài khoản của Chủ Thẻ, bao gồm số dư tài khoản thanh toán, số dư tài khoản tiền gửi, số dư tài khoản tiết kiệm của Chủ Thẻ tại Ngân Hàng, cho dù đã đến hạn hay chưa, mà không cần xác nhận của Chủ Thẻ để thanh toán cho bất kỳ và mọi khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, phí, chi phí hợp lệ khác phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ.

(f) Không chịu trách nhiệm khi Thẻ không được bảo đảm an toàn, Thẻ bị lợi dụng để rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán hàng hóa dịch vụ và/hoặc các giao dịch khác trong trường hợp Thẻ bị mất cắp, lộ thông tin hoặc thất lạc mà Chủ thẻ chưa kịp thông báo cho Ngân Hàng trừ trường hợp lỗi phát sinh của bên thứ ba mà nguyên nhân phát sinh lỗi không phải do lỗi của Ngân Hàng.

(g) Cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền các thông tin về tài khoản, các giao dịch và các thông tin khác của Chủ Thẻ phục vụ cho việc tra soát, khiếu

nại, xử lý, giải quyết tranh chấp các Giao Dịch Thẻ hoặc phục vụ việc điều tra khác theo đúng quy định của pháp luật.

(h) Yêu cầu Chủ Thẻ cung cấp các thông tin, các chứng từ liên quan đến các Giao Dịch Thẻ nhằm xác minh tính chính xác, hợp pháp của các giao dịch này. Đối với các giao dịch hoàn trả Chủ Thẻ, Ngân Hàng có quyền giữ lại khoản ghi có cho đến khi xác minh được tính chính xác của giao dịch. Trường hợp Chủ Thẻ không cung cấp thông tin như yêu cầu, Ngân Hàng được quyền từ chối thực hiện giao dịch.

(i) Thực hiện các biện pháp thu hồi nợ của Chủ Thẻ theo quy định nội bộ về thu hồi nợ của Ngân Hàng phù hợp với quy định của pháp luật.

(j) Các quyền khác theo Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này, theo thỏa thuận với Chủ Thẻ và quy định của pháp luật.

(ii) Nghĩa vụ của Ngân Hàng

(a) Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng.

(b) Đảm bảo các quyền lợi của Chủ Thẻ theo quy định của pháp luật và quy định của các Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này.

(c) Bảo mật và bảo đảm an toàn thông tin của Chủ Thẻ theo quy định của pháp luật.

(d) Các nghĩa vụ khác theo Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này, theo thỏa thuận với Chủ Thẻ và quy định của pháp luật.

18 CAM ĐOAN, CAM KẾT, ĐẢM BẢO CỦA KHÁCH HÀNG

18.1 Khách Hàng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự để mở, sử dụng Thẻ và dịch vụ của Ngân Hàng phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng.

18.2 Khách Hàng cam kết, đồng ý cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan về việc đăng ký mở và sử dụng Tài Khoản và Thẻ. Khách Hàng sẽ thông báo, cập nhật kịp thời và gửi các giấy tờ có liên quan cho Ngân Hàng trong thời hạn theo yêu cầu của Ngân Hàng, nếu có bất kỳ thay đổi nào đối với thông tin mà Khách Hàng đã cung cấp cho Ngân Hàng. Ngân Hàng được phép cập nhật thông tin do Khách Hàng cung cấp tại từng thời điểm trong hệ thống của Ngân Hàng và áp dụng những thông tin này cho tất cả các Tài Khoản, Dịch Vụ mà Khách Hàng đăng ký sử dụng. Trừ khi nhận được thông báo của Khách Hàng về

việc thay đổi Thông Tin Cá Nhân nêu trên, Ngân Hàng sẽ tiếp tục cung cấp Dịch Vụ với các Thông Tin Cá Nhân Khách Hàng đã đăng ký với Ngân Hàng.

Bất kỳ thông báo nào qua thư điện tử hoặc qua thông báo gửi đến Chủ Thẻ tại mục Thông báo trên Ứng Dụng OCTO by CIMB của Chủ Thẻ sẽ được coi như là nhận được bởi Chủ Thẻ trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày gửi thông tin hoặc thư điện tử đến địa chỉ thư điện tử cuối cùng được lưu trên Ứng Dụng OCTO by CIMB bởi Chủ Thẻ cho Ngân Hàng. Việc áp dụng thay đổi theo phương tiện thông báo mà Ngân Hàng xem xét hợp lý sẽ cấu thành thông báo hiệu lực tới Chủ Thẻ.

18.3 Mọi giao dịch qua Tài Khoản và việc sử dụng Thẻ phải cho các mục đích hợp pháp, tuân thủ chặt chẽ Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng và quy định pháp luật hiện hành bao gồm cả pháp luật ở nước ngoài nếu Khách Hàng sử dụng Thẻ ngoài lãnh thổ Việt Nam.

18.4 Không được dùng Thẻ để thực hiện hoặc thanh toán cho bất kỳ giao dịch nào được xem là bất hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành nào, bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi bị cấm theo quy định pháp luật liên quan.

18.5 Chủ Thẻ cam đoan, cam kết không thực hiện bất kỳ hành vi sau đây:

(i) sửa chữa, tẩy xóa Thẻ, chứng từ thanh toán không đúng quy định pháp luật; làm giả thẻ, chứng từ thanh toán; lưu giữ, lưu hành, chuyển nhượng, sử dụng thẻ giả;

(ii) xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập, đánh cắp dữ liệu, phá hoại, làm thay đổi trái phép chương trình phần mềm, dữ liệu điện tử sử dụng trong thanh toán; lợi dụng lỗi hệ thống mạng máy tính để trục lợi;

(iii) xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập trái phép, phá hủy chương trình hoặc cơ sở dữ liệu của hệ thống phát hành, thanh toán thẻ, chuyển mạch thẻ, bù trừ điện tử giao dịch thẻ; và

(iv) thuê, cho thuê, mua, bán, mở hộ Thẻ; lấy cắp, thông đồng để lấy cắp, mua, bán thông tin Thẻ;

(v) sử dụng Thẻ để chuyển khoản, ghi có vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước, ví điện tử;

(vi) sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán khống nhằm mục đích rút tiền mặt tại Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ.

(vii) sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, giao dịch thẻ lừa đảo, gian lận, giả mạo, giao dịch thanh toán cho các trò chơi điện tử trên mạng chưa được cấp phép phát hành tại Việt Nam, giao dịch vi phạm quy định cấm vận của Ngân Hàng, hoặc bất kỳ giao dịch bất hợp pháp nào khác, hoặc việc thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ được xem là bất hợp pháp theo quy định của pháp luật;

(viii) các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

19 GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

19.1 Ngân Hàng sẽ không chịu trách nhiệm và Chủ Thẻ phải bồi thường đầy đủ cho Ngân Hàng và bảo đảm Ngân Hàng không bị tổn hại đối với tất cả các tổn thất, chi phí, phí tổn, thuế hoặc thuế quan mà Khách Hàng hoặc Ngân Hàng có thể phải gánh chịu liên quan đến việc sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ hoặc các sự kiện bất khả kháng trừ các tổn thất hoặc phí tổn phát sinh trực tiếp do lỗi của CIMB.

19.2 Ngân Hàng không chịu trách nhiệm về việc thực hiện/nghĩa vụ của Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ và các bên liên quan khác trong (các) giao dịch được thanh toán bằng Thẻ. CIMB có quyền ghi nợ số dư Thẻ bằng với giá trị hàng hóa và dịch vụ mà Chủ Thẻ đã mua bằng Thẻ bất kể hàng hóa hoặc dịch vụ được giao hay trả lại. CIMB sẽ không chịu trách nhiệm trong trường hợp các giao dịch được Chủ Thẻ thực hiện bằng Thẻ bị từ chối/khước từ vì bất kỳ lý do gì cũng như không có nghĩa vụ bảo đảm số dư trong Thẻ đủ để thanh toán cho hàng hóa/dịch vụ bằng Thẻ.

20 BẢO MẬT THÔNG TIN VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU

20.1 Khách Hàng đồng ý rõ ràng rằng Ngân Hàng có quyền thu thập, yêu cầu Chủ Thẻ cung cấp thông tin, tài liệu, xử lý dữ liệu cá nhân và thực hiện các biện pháp xác thực, xác minh các thông tin, tài liệu đó theo quy định của Ngân Hàng và quy định của pháp luật cho mục đích xem xét Đơn Đề Nghị, phát hành Thẻ Tín Dụng, thực hiện Hợp Đồng Thẻ với Chủ Thẻ và thu hồi Dư Nợ khi Khách Hàng sử dụng Thẻ

20.2 Khách Hàng hiểu rõ và đồng ý rằng việc xử lý dữ liệu cá nhân của Chủ Thẻ được Ngân Hàng thực hiện theo quy định tại Thông báo về xử lý dữ liệu cá nhân của Ngân Hàng ("Thông Báo Về Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân"), được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Ngân Hàng (mục Chính sách bảo mật) và được niêm yết tại các địa điểm giao dịch của Ngân Hàng.

20.3 Khách Hàng hiểu rõ và đồng ý rằng thông tin của Chủ Thẻ, bao gồm: họ và tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước công dân/căn cước hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ khác, địa chỉ cư trú, địa chỉ liên hệ, số điện thoại và email đã đăng ký với Ngân Hàng sẽ được Ngân Hàng sử dụng cho mục đích liên hệ với Khách Hàng, người sử dụng lao động, người tham chiếu và người liên quan đếnKhách Hàng để xác minh thông tin, cung cấp dịch vụ và thực hiện quy trình thu hồi nợ theo quy định nội bộ của Ngân Hàng.

20.4 Chủ Thẻ đồng ý và xác nhận rằng CIMB được phép cung cấp thông tin tín dụng của Chủ Thẻ cho Công Ty Thông Tin Tín Dụng mà CIMB đang là tổ chức tham gia. Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp bao gồm dữ liệu, số liệu, dữ kiện liên quan của Chủ Thẻ tại CIMB đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.

Trường hợp Công Ty Thông Tin Tín Dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, CIMB sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Chủ Thẻ cho Công Ty Thông Tin Tín Dụng và Chủ Thẻ đồng ý rằng thông tin tín dụng của Chủ Thẻ tại Công Ty Thông Tin Tín Dụng được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. CIMB sẽ thông báo với Chủ Thẻ về việc xử lý thông tin tín dụng của Chủ Thẻ trong thời hạn tối đa mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày CIMB nhận được thông báo của Công Ty Thông Tin Tín Dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng.

Khách Hàng xác nhận đã hiểu và biết rõ rằng: (a) Thông tin tín dụng được cung cấp bao gồm dữ liệu cá nhân nhạy cảm của Khách Hàng theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; (b) Thông tin tín dụng gồm dữ liệu cá nhân nhạy cảm đó được thu thập, xử lý, và lưu trữ trong thời gian tối thiểu 05 (năm) năm nhằm mục đích tạo lập các sản phẩm thông tin tín dụng bởi các phần mềm chuyên dụng của Công Ty Thông Tin Tín Dụng; và (c) mọi sự đồng ý của Khách Hàng tại đây về việc cung cấp Thông tin tín dụng này là dựa trên cơ sở tự nguyện và hiểu biết rõ ràng về các quyền của Khách Hàng theo các quy định pháp luật có liên quan.

21 CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

21.1 Hợp Đồng Thẻ Tín Dụng

Những tài liệu kèm theo Điều Khoản Và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này hoặc để thực hiện Điều Khoản Và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này, bao gồm nhưng không giới hạn Đơn Đề Nghị, Biểu Phí Thẻ, Thông báo chấp thuận cấp Thẻ Tín Dụng, Bảng Sao Kê, Yêu cầu điều chỉnh Hạn Mức Tín Dụng, Bản Điều Khoản và Điều Kiện Chung và các thỏa thuận, thông báo và thư xác nhận khác liên quan đến Thẻ Tín Dụng giữa CIMB và Chủ Thẻ, là một bộ

phận không thể tách rời của Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này và toàn bộ các tài liệu này cấu thành Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ Tín Dụng ("**Hợp Đồng Thẻ**") giữa Ngân Hàng và Chủ Thẻ và có hiệu lực ràng buộc với Chủ Thẻ.

21.2 Luật Điều Chỉnh

Điều Khoản Và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này, Hợp Đồng Thẻ được điều chỉnh bởi và được hiểu theo các quy định của luật pháp Việt Nam.

21.3 Giải Quyết Tranh Chấp

Chủ Thẻ đồng ý không hủy ngang rằng mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Điều Khoản Và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này và Hợp Đồng Thẻ nếu không giải quyết được thông qua thương lượng, hòa giải thì sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.

21.4 Tính Riêng Rẽ

Bất kỳ điều nào trong Điều Khoản Và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này không còn hiệu lực, không còn hợp lệ hoặc không thể thi hành theo quy định pháp luật sẽ không ảnh hưởng đến tính hiệu lực, hợp lệ hoặc khả năng thi hành của tất cả các điều khoản còn lại trong Điều Khoản Và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này dưới bất kỳ hình thức nào.

21.5 Sửa Đổi

Khách Hàng đồng ý rằng Ngân Hàng có quyền, sau khi thông báo trước với Khách Hàng trong một thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, toàn bộ hoặc một phần Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này mà Ngân Hàng tại bất kỳ thời điểm nào, và vào từng thời điểm quy định các điều khoản và điều kiện bổ sung liên quan đến bất kỳ hoặc toàn bộ dịch vụ Thẻ, và các điều khoản và điều kiện bổ sung đó phải được đọc cùng với Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này và được xem là một phần không tách rời của Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này.

Việc Khách Hàng tiếp tục sử dụng Thẻ sau bảy (07) ngày kể từ ngày Ngân Hàng thông báo/công bố về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ nói trên được xem là Khách Hàng đã đọc, hiểu, chấp nhận và đồng ý ràng buộc với các sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ đó. Trong trường hợp không đồng ý với bất kỳ hoặc toàn bộ sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ của Ngân hàng, Khách Hàng phải thực hiện thủ tục chấm dứt sử dụng Thẻ và/hoặc các dịch vụ có liên quan tại các địa điểm giao dịch của Ngân Hàng.

21.6 Chuyển giao, chuyển nhượng

(i) Chủ Thẻ không được chuyển nhượng hay chuyển giao toàn bộ hay một phần quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Thẻ cho bất kỳ bên thứ ba nào trừ trường hợp được chấp nhận bằng văn bản của Ngân Hàng. Chủ Thẻ phải chịu toàn bộ trách nhiệm phát sinh từ việc bên thứ ba sử dụng Thẻ.

(ii) Chủ Thẻ đồng ý rằng Ngân Hàng có quyền chuyển nhượng, ký mới, chuyển giao hay bằng cách khác xử lý tất cả hoặc bất kỳ quyền và/hoặc nghĩa vụ nào của mình theo giao dịch được thực hiện với Khách Hàng trong Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này mà không cần sự đồng ý của Chủ Thẻ (hoặc của bất kỳ chủ thể nào khác). Khách Hàng đồng ý tuân thủ bất kỳ yêu cầu hợp lý nào mà Ngân Hàng có thể có để tạo lập hiệu lực cho việc chuyển nhượng, ký mới hoặc chuyển giao đó, bao gồm cả việc ký kết bất kỳ tài liệu nào hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào mà Ngân Hàng có thể yêu cầu liên quan đến vấn đề này

21.7 Sự kiện bất khả kháng

(i) Sự kiện bất khả kháng được hiểu là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, ngoài tầm kiểm soát hợp lý của Ngân Hàng hoặc các sự kiện mà Ngân Hàng không thể lường trước một cách hợp lý để ngăn ngừa và đề phòng, bao gồm nhưng không giới hạn như: sự cố điện; sự hỏng hóc/lỗi của ATM, POS hoặc bất kỳ thiết bị, máy móc, hệ thống, liên kết truyền dẫn, hệ thống xử lý dữ liệu hoặc hệ thống viễn thông/internet hoặc dịch vụ trao đổi thông tin, việc bên thứ ba gây cản trở hoạt động của hệ thống máy tính; thiên tai, thảm họa tự nhiên, hỏa hoạn, lũ lụt, cháy nổ, khủng bố, chiến tranh, nổi loạn, tai nạn, đại dịch, bạo loạn dân sự, đình công, ngừng cung cấp nguồn điện hoặc thực thi theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; sự thay đổi của pháp luật…

(ii) Trong trường hợp Ngân Hàng không thể thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào trong Điều Khoản Và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này do các sự kiện bất khả kháng, Ngân Hàng sẽ không phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện được Điều Khoản Và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này trong thời gian của các sự kiện bất khả kháng đó. Ngân Hàng sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự chậm trễ, tổn thất, thiệt hại hoặc bất tiện nào gây ra hoặc phát sinh từ hoặc liên quan đến các sự kiện bất khả kháng. Các bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình sau khi chấm dứt sự kiện bất khả kháng.

21.8 Quy định khác

Các nội dung không được quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này sẽ được thực hiện theo quy định tại Bản Điều Khoản và Điều Kiện Chung, Các Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến của Ngân Hàng, và/hoặc theo thỏa thuận giữa Chủ Thẻ và Ngân Hàng.

***

Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Tín Dụng này được sửa đổi, bổ sung với hiệu lực từ ngày **01/04/2026**.